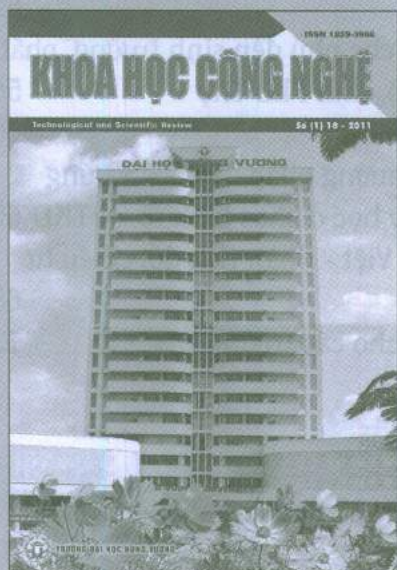


KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Technological and Scientific Review

Số (1) 18 - 2011





Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. LÊ QUANG KHÔI
Giám đốc NXB Nông nghiệp

Chịu trách nhiệm nội dung:

PGS.TS. CAO VĂN
Hiệu trưởng
Trường Đại học Hùng Vương

Trưởng ban biên tập:

PGS. TS. Phùng Quốc Việt
Phó Hiệu trưởng

Phó ban biên tập:

NB. TS. Phí Văn Kỳ
Th.S. Nguyễn Nhật Đăng

Ban biên tập:

- ThS. Nguyễn Quang Tiến
- TS. Nguyễn Văn Ngọc
- ThS. Nguyễn Văn Hùng
- ThS. Hoàng Công Kiên
- TS. Phạm Tuấn Anh
- ThS. Nguyễn Văn Hưng
- ThS. Đỗ Khắc Thanh
- Lê Lân
- ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- ThS. Đào Hà Vĩnh
- KS. Đặng Hoàng Lâm

MỤC LỤC

SỰ KIỆN - VẤN ĐỀ

- Hiếu Nguyễn.** 5 nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục năm 2011 3
- Phan Thảo.** Năm 2011: 500.000 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề 6
- Phan Thảo.** Tổ chức chương trình "Nguồn nhân lực Việt Nam" lần thứ I 7
- Phan Thảo.** Đổi mới hình thức bằng đại học 7

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

- PGS.TS. Cao Văn, TS. Ngô Văn Nhuận.** Dự báo nhu cầu lao động phân theo các ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011- 2015 8
- Hán Thị Thu Hiền.** Thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật phụ trợ trong một số truyện nôm tài tử giai nhân 10
- Ths. Nguyễn Thị Thịnh.** Nghiên cứu tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ 13
- Ths. Nguyễn Thị Thịnh.** Tiếp cận quan niệm về cụm công nghiệp trong nghiên cứu hình thức cụm công nghiệp cấp tỉnh 19
- Ths. Nguyễn Ánh Hoàng.** Đa dạng cảnh quan huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái 23
- Đào Thị Kim Quế.** Đặc điểm địa lý tự nhiên và vấn đề sử dụng đất đai tỉnh Phú Thọ 28
- Phạm Thị Kim Giang, Hồ Viết Quý, Đặng Xuân Thư, Phạm Thị Thanh Huyền, Phạm Thị Việt Hà, Nguyễn Mạnh Hùng, Cao Việt.** Xác định hàm lượng một số nguyên tố (Mn, Pb, Cd) trong nước sinh hoạt ở Thạch Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ bằng phương pháp chiết - phổ hấp thụ nguyên tử 33
- Trần Thị Mai Lan, Hà Quế Cương.** Tổng quan việc vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học di truyền học (sinh học 12) 38
- Hà Quế Cương, Trần Trung Kiên.** Nghiên cứu một số chỉ tiêu hóa sinh của gà lai F1 lương phượng - ri nuôi thả vườn tại Thái Nguyên 42
- Ths. Lê Thị Hồng Chi - Lê Thị Dung.** Vận dụng lí thuyết kiến tạo vào dạy học môn toán lớp 5 45

Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh, Ths. Nguyễn Tài Luyện, Ths. Nguyễn Đắc Triển, Ths. Nguyễn Như Tùng, Ths. Phạm Thanh Loan. Triệu chứng và đặc điểm bệnh dịch học của một số loại bệnh hại chính Keo và Bạch đàn ở tỉnh Phú Thọ	48
Hà Thị Tâm Tiến, Nguyễn Văn Mùi. Điều tra, tách chiết và đánh giá hoạt tính sinh học của lutein ở Cúc Vạn Thọ Tagetes Erecta L.	52
Ths. Nguyễn Thị Cẩm Mỹ. Nghiên cứu ảnh hưởng của vật liệu che phủ đến sinh trưởng, phát triển của chè giai đoạn kiến thiết cơ bản và độ phì đất tại Phú Hộ, tỉnh Phú Thọ	56
Triệu Hồng. Những dự đoán thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh	60
GVC.ThS. Đỗ Ngọc Sơn, Ths. Lê Thị Thanh Thuỷ. Đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương tiện hỗ trợ trong dạy học ở khoa kinh tế - QTKD	65
Th.S Nguyễn Thị Tố Loan. Uyển ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt - Phân tích đối chiếu từ góc độ văn hóa	68
TS.Trần Văn Hùng. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các trường ĐH	73

TIN TỨC

Hội thảo “Những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học sinh viên trường Đại học Hùng Vương”	77
Khoa Nhạc - Họa Trường Đại học Hùng Vương luôn hướng về Tân Sơn xanh	78
Vườn sinh viên nét đẹp của nghệ thuật	80

Ảnh bìa 1: Trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ

Chế bản và trình bày: Minh Thu

In 600 cuốn, khổ 20.5x29.5cm tại Nhà in Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 209-2011/CXB/1167-08/NN

In xong và nộp lưu chiểu quý I/2011

5 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2011

Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phạm Vũ Luận vừa ký ban hành chương trình công tác năm 2011 của Bộ GD&ĐT. Theo đó, trong năm 2011, Bộ GD&ĐT tập trung xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và giai đoạn 1 của Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020; đồng thời triển khai năm nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm.



Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành GD năm 2011 là tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục

Nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện thể chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Để thực hiện nhiệm vụ này, Bộ GD&ĐT sẽ tập trung soạn thảo và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong đó ưu tiên các văn bản thực hiện Luật Giáo dục, các Nghị quyết của Quốc hội về giáo dục; xây dựng dự án Luật Giáo dục Đại học đảm bảo chất lượng và tiến độ quy định. Tổ chức quán triệt; sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan và kiểm tra đôn đốc thực hiện phân cấp quản lý giáo dục cho địa phương, Bộ, ngành theo Nghị định số 115/2010/NĐ-CP của Chính phủ. Xây dựng các tiêu chí xác định mức tương quan giữa đầu tư, học phí và chất lượng đào tạo;

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng đào tạo hệ vừa làm vừa học, đào tạo liên thông, đào tạo liên kết. Chỉ đạo các địa phương hoàn thành việc chuyển đổi loại hình trường

mầm non, phổ thông theo Thông tư số 11/2009/TT-BGDĐT.

Đánh giá 15 năm hoạt động của mô hình đại học quốc gia, đại học hai cấp. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quốc gia giáo dục; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Hiệu trưởng các trường đại học theo khối ngành. Thực hiện đổi mới công tác thông tin tuyên truyền; tổng hợp thông tin từ các kênh khác nhau để giải quyết kịp thời các vấn đề của ngành. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện

các quy trình hành chính theo cơ chế "một cửa" tại Bộ GD&ĐT; xây dựng chính phủ điện tử tại cơ quan Bộ gắn với "một cửa, một dấu". Rà soát lại việc phân công, phân cấp quản lý trong các đơn vị thuộc cơ quan Bộ để thực hiện giải pháp "một cửa". Tổng kết 3 năm thực hiện cơ chế "một cửa" tại cơ quan Bộ. Triển khai thực hiện "Đề án xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp giai đoạn 2011-2020"; Triển khai công tác đánh giá chất lượng giáo dục các nhà trường.

Tập trung thanh tra có chiều

sâu các hoạt động thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành ở các cấp học, trình độ đào tạo; thanh tra các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập và cơ sở giáo dục có đầu tư nước ngoài; thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Bộ. Tăng cường chỉ đạo công tác tự thanh tra của các cơ sở giáo dục. Tập huấn công tác thanh tra chuyên môn nghiệp vụ cho thanh tra cơ sở. Triển khai đổi mới công tác thi đua khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

Với nhiệm vụ **nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục**, sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các phong trào, cuộc vận động. Đẩy mạnh công tác giáo dục đạo đức giá trị sống, kỹ năng sống, ngăn chặn bạo lực trong học sinh, sinh viên; tiếp tục thực hiện chính sách tín dụng sinh viên.

Tăng cường các giải pháp để khắc phục hiện tượng học sinh ngồi sai lớp, giảm tỷ lệ học sinh yếu kém và học sinh bỏ học, tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi; Chỉ đạo tổ chức nghiêm túc, an toàn kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi học sinh giỏi quốc gia năm 2011.

Chỉ đạo thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2011 ổn định theo giải pháp ba chung; Xác định phương thức tuyển sinh hợp lý cho những năm sắp tới; Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung các quy chế tuyển sinh.

Nghiên cứu bổ sung các chính sách hỗ trợ giáo viên và học sinh ở vùng dân tộc. Tiếp tục các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc ở mầm non, tiểu học; bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên vùng dân tộc.

Nâng cao chất lượng công tác

phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức và người học trong toàn ngành; Đẩy mạnh triển khai Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Triển khai Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 và Chương trình giáo dục mầm non mới. Tăng cường quản lý các cơ sở giáo dục mầm non tư thục; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ, cộng đồng.

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; Tiếp tục triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tiếp tục chỉ đạo việc triển khai tự đánh giá các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; từng bước triển khai đánh giá ngoài và công nhận các trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Xây dựng kế hoạch củng cố, nâng cao chất lượng công tác phổ cập giáo dục, tỉ lệ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020; Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010-2020. Chuẩn bị cho Việt Nam tham gia chương trình quốc tế đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông (PISA) vào năm 2012. Ban hành các văn bản quy định về biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa. Xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa áp

dụng sau năm 2015.

Chỉ đạo các địa phương tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống mạng lưới các trung tâm giáo dục thường xuyên theo mô hình dạy văn hoá kết hợp với hướng nghiệp, dạy nghề; Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; Củng cố vững chắc kết quả chống mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học; Tập trung nâng cao tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi và mở rộng xóa mù chữ cho những người từ 35 tuổi trở lên. Tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010; xây dựng và triển khai Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2011-2020" và Đề án "Xóa mù chữ giai đoạn 2011-2020".

Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đến tháng 8/2011 xây dựng và công bố chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo, trình độ đào tạo. Tăng cường giảng dạy kỹ năng mềm, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ, khởi sự doanh nghiệp cho sinh viên. Tăng cường hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa các cơ sở giáo dục đại học với các doanh nghiệp, thông qua việc ký kết các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác. Triển khai tích cực các hợp đồng, thỏa thuận đào tạo, sử dụng nhân lực đã ký kết; xây dựng và triển khai Đề án đào tạo theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2011-2015.

Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, các hình thức đào tạo, các hệ đào tạo và loại hình trường trung cấp chuyên nghiệp. Chỉ đạo tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau

trung học cơ sở. Tổ chức đánh giá 10 năm phát triển trung cấp chuyên nghiệp; Triển khai Đề án tăng cường năng lực đào tạo trung cấp chuyên nghiệp.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc đào tạo theo học chế tín chỉ; sửa đổi bổ sung Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam; Xây dựng khung chính sách quy định về việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ giữa các cơ sở.

Chỉnh sửa, bổ sung quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo hướng mở rộng đối tượng tuyển sinh đầu vào, tăng cường kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và thiết lập sự phân luồng đào tạo thạc sĩ theo hướng nghiên cứu và hướng chuyên nghiệp.

Rà soát, thống kê cơ cấu ngành nghề đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng, đại học trong cả nước, địa phương, vùng miền, lĩnh vực,... làm căn cứ cho việc giao nhiệm vụ mở ngành đào tạo.

Đẩy nhanh tiến độ công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp; tiếp tục triển khai các hoạt động đánh giá ngoài; giám sát, kiểm tra có hiệu quả các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục; phát triển đội ngũ chuyên gia về công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp; thành lập cơ quan độc lập kiểm định chất lượng giáo dục.

Đánh giá, đổi mới các chương trình đào tạo giáo viên nhằm đáp ứng đổi mới giáo dục mầm

non, giáo dục phổ thông.

Chăm lo, đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GD&ĐT sẽ hoàn thiện và triển khai Đề án quy hoạch nguồn nhân lực của ngành Giáo dục. Tổ chức có hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên mầm non, phổ thông về chuyên môn, nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng kinh nghiệm làm công tác chủ nhiệm lớp. Tổng kết công tác bồi dưỡng hiệu trưởng trường phổ thông theo Đề án liên kết Việt Nam - Singapore. Triển khai Đề án “Đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng - an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010 - 2016”.

Tiếp tục triển khai Đề án đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng từ nay đến năm 2020. Sơ kết 10 năm thực hiện Đề án “Đào tạo cán bộ tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước”. Xây dựng và triển khai Đề án thu hút các giáo sư, tiến sĩ Việt kiều để tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn nghiên cứu sinh Việt Nam.

Triển khai việc sinh viên đánh giá hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên đại học, cao đẳng đến 100% số trường đại học, cao đẳng, từng bước mở rộng sang trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; thí điểm thực hiện giảng viên đánh giá cán bộ quản lý.

Triển khai thực hiện đại trà chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học (trung học cơ sở và trung học phổ thông), chuẩn hiệu trưởng trường trung học; tập huấn đánh giá giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên, hiệu trưởng trường mầm non, hiệu trưởng

trường tiểu học theo chuẩn. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Bồi dưỡng giáo viên các cấp.

Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất, sẽ thực hiện tổng kết đánh giá thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2006 - 2010 và xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo 2011-2015. Xây dựng Thông tư hướng dẫn về nội dung và cơ chế thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011-2015.

Chỉ đạo các địa phương xây dựng và áp dụng mức học phí mới từ năm học 2010-2011; Hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan liên quan thực hiện công bố công khai và thực hiện tốt các chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục trong phạm vi cả nước và từng vùng kinh tế trọng điểm.

Xây dựng Đề án đổi mới giao chỉ tiêu tuyển sinh; Xây dựng các tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo hàng năm đối với các trường đại học, cao đẳng, TCCN năm 2011 và định hướng đến năm 2015.

Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng; Phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai thực hiện đề án xây dựng kí túc xá sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

Tổng kết 5 năm thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ; xây dựng kế hoạch phát

triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2015 cho các vùng.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012; Đề án phát triển giáo dục ở 62 huyện nghèo.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và chế tài liên quan đến mua sắm, bảo quản và sử dụng thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em; đẩy mạnh phong trào tự làm và sử dụng thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em.

Tiếp tục đầu tư, xây dựng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Đầu tư xây dựng, hiện đại hóa

hệ thống trường trung học phổ thông chuyên. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục. Tổng kết công tác xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2006-2010 và xây dựng Đề án xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2011-2015.

Công tác hợp tác quốc tế sẽ tăng cường việc ký kết các điều ước và thỏa thuận quốc tế về giáo dục và đào tạo; Triển khai rà soát, kiểm tra các chương trình hợp

tác đào tạo với nước ngoài. Tiếp tục thực hiện cử lưu học sinh đi học nước ngoài theo các đề án đã được phê duyệt. Tập trung triển khai tốt việc đầu tư xây dựng Trường Đại học Việt Đức sử dụng vốn vay của Ngân hàng thế giới và xây dựng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội sử dụng vốn vay của Ngân hàng châu Á. Tiếp tục thực hiện xây dựng các trường đại học xuất sắc: Xem xét, lập kế hoạch hợp tác với các Dự án về Đại học Việt Anh, Đại học Việt Nga... trên tinh thần yêu cầu các nước giúp Việt Nam vốn xây dựng cơ bản cho các trường.

Hiếu Nguyễn

Năm 2011: 500.000 lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề

Sau một năm thực hiện Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, đến nay, 100% các tỉnh/thành, 70% số huyện và 49% số xã đã có Ban Chỉ đạo; gần 70% Ban Chỉ đạo ở tỉnh đã thông qua quy chế hoạt động; đã dạy nghề cho khoảng 345.000 lao động nông thôn, tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề đạt khoảng 70%, hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đến năm 2010. Bước đầu khẳng định vai trò của dạy nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển nguồn nhân lực nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, việc triển khai còn chậm ở một số địa phương: còn trên 30% số tỉnh, thành chưa phê duyệt Đề án cấp tỉnh, một số tỉnh chưa có phòng dạy nghề thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, chưa

bổ trí 1 chuyên trách quản lý dạy nghề ở huyện; còn 30% số huyện và khoảng 50% số xã chưa có Ban Chỉ đạo.

Vì vậy, theo kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân vừa ban hành, năm 2011 sẽ dạy nghề cho khoảng 500.000 lao động nông thôn theo chính sách của Chính phủ, trong đó ít nhất 70% có việc làm sau đào tạo. Đồng thời, tiếp tục triển khai làm rõ mô hình thí điểm ở cấp tỉnh, huyện, xã và các mô hình đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp; tiếp tục nâng tỷ lệ đào tạo, bồi dưỡng cho 7 chức danh chuyên môn ở xã.

Để triển khai có hiệu quả đề án này, một số chính sách và giải pháp cũng được Phó Thủ tướng đồng ý cụ thể hóa hơn. Đơn cử, về đối tượng tham gia Đề án, Chính phủ thống nhất sẽ là đối tượng lao động nông thôn thuộc hộ nghèo và cận nghèo (thay cho quy định đối tượng lao động nông thôn thuộc hộ có

thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo được hưởng chính sách hỗ trợ học nghề ngắn hạn như hiện nay).

Về tuổi học nghề, ưu tiên hỗ trợ lao động trẻ trong độ tuổi lao động tham gia học nghề, nhưng cũng giao UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc cho phép những người lao động lớn tuổi được học nghề nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và trong khả năng kinh phí được bố trí.

Phó Thủ tướng cũng yêu cầu mỗi tỉnh chọn xây dựng ít nhất một trung tâm dạy nghề kiểu mẫu, dạy những nghề có nhu cầu cao nhất và phổ biến nhất ở địa phương. Hỗ trợ đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, chủ yếu thông qua chương trình vay vốn cho học sinh, sinh viên, gắn với đào tạo theo cơ chế đặt hàng....

Phan Thảo

Tổ chức chương trình “NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM” lần thứ I

Lần đầu tiên, Bộ Giáo dục - Đào tạo, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đồng bảo trợ tổ chức chương trình “Nguồn nhân lực Việt Nam” lần thứ I - 2011.

Chương trình do Trung tâm phát triển nhân lực (LADECEN) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì tổ chức nhằm... ghi nhận thành tựu đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế; đồng thời tôn vinh các tập thể và cá nhân tiêu biểu, có thành tích trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong nước, khẳng định trình độ và sự chuyên nghiệp của nguồn nhân lực Việt Nam với thế giới.

Mới đây, Chiến lược phát triển nguồn nhân

lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020 cũng đã được Thủ tướng phê duyệt với mục tiêu đưa nhân lực Việt Nam trở thành nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế và ổn định xã hội. Theo đó, đến năm 2020 Việt Nam phấn đấu đạt được một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển nguồn nhân lực là: Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 55%; số sinh viên đại học-cao đẳng là 400 sinh viên/10.000 dân; có hơn 10 trường dạy nghề và trên 4 trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế.

Về chỉ tiêu nâng cao thể lực nhân lực, phấn đấu tuổi thọ trung bình của lao động là 75 tuổi, chiều cao trung bình của thanh niên là 1,65m, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi nhỏ hơn 5%.

Phan Thảo

ĐỔI MỚI HÌNH THỨC BẰNG ĐẠI HỌC

Bộ Giáo dục - Đào tạo vừa công bố xin ý kiến góp ý mẫu bằng tốt nghiệp đại học và mẫu bằng tiến sĩ danh dự.

Theo đó, mẫu bằng tốt nghiệp đại học, gồm mẫu bằng tốt nghiệp đại học của ngành kỹ thuật (được gọi là mẫu bằng Kỹ sư); mẫu bằng tốt nghiệp đại học của ngành Kiến trúc (mẫu bằng Kiến trúc sư); mẫu bằng tốt nghiệp đại học của ngành Y, Dược (mẫu bằng Bác sĩ, mẫu bằng Dược sĩ, mẫu bằng Cử nhân); mẫu bằng tốt nghiệp đại học của các ngành Khoa học cơ bản, Sư Phạm, Luật, Kinh tế (mẫu bằng Cử nhân) và mẫu bằng tốt nghiệp đại học khác ngoài các ngành nói trên.

Mẫu bằng tốt nghiệp đại học mới gồm 4 trang, mỗi trang có kích thước 21cm x 14,5cm. Trang 1 và trang 4 có nền màu đỏ; trang 1 có hình Quốc huy, các chữ in trên

trang 1 có màu vàng; trang 2 và trang 3 có nền màu vàng, hoa văn viền màu vàng đậm, tên bằng có màu đỏ, các chữ khác có màu đen; hình trống đồng in chìm chính giữa trang 2, hình Quốc huy in chìm chính giữa trang 3.

Mẫu bằng tiến sĩ danh dự gồm 4 trang, mỗi trang có kích thước 29cm x 21cm. Trang 1 và trang 4 có nền màu đỏ; trang 1 có hình Quốc huy, các chữ in trên trang 1 có màu vàng; trang 2 và trang 3 có nền màu vàng nhạt, hoa văn viền màu vàng đậm, tên bằng tiến sĩ danh dự bằng tiếng Việt và tiếng Anh có màu đỏ, các chữ khác có màu đen; hình trống đồng in chìm chính giữa trang 2, hình Quốc huy in chìm chính giữa trang 3.

Phan Thảo

DỰ BÁO NHU CẦU LAO ĐỘNG PHÂN THEO CÁC NGÀNH KINH TẾ CHỦ YẾU CỦA TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

PGS.TS. Cao Văn, TS. Ngô Văn Nhuận
Phòng QLKH&QHQT

TÓM TẮT

Hiện nay có nhiều phương pháp dự báo định tính và định lượng. Để dự báo số lượng lao động làm việc trong mỗi ngành kinh tế tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2010-2015 chúng tôi sử dụng hàm sản xuất Cobb Douglas. Hàm số này có khả năng loại trừ những yếu tố không thể lượng hóa được. Căn cứ vào mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2015, chúng tôi tiến hành tính toán để có những số liệu về lao động làm việc trong 3 nhóm ngành kinh tế của tỉnh giai đoạn 2011-2015 theo các phương án vốn đầu tư 57-58 nghìn tỉ đồng.

MỞ ĐẦU

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội bền vững được xây dựng trên quan điểm lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Trong xu hướng phát triển kinh tế tri thức và toàn cầu hóa, nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao được coi là một điều kiện để rút ngắn khoảng cách tụt hậu và tăng trưởng nhanh. Một trong những nhu cầu đảm bảo cho sự tăng trưởng kinh tế bền vững là sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn lao động. Trên thị trường lao động hiện nay có sự mất cân đối giữa cung và cầu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật; điều này được thể hiện rõ nét tại các khu công nghiệp của tỉnh (khu công nghiệp Thụy Vân, Đồng Lạng, Trung Hà...). Mặt khác ngành giáo dục đang thực hiện chiến lược đào tạo nhân lực theo nhu cầu của xã hội của thị trường. Các cơ sở giáo dục và đào tạo đang gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô, mở mã ngành đào tạo. Đây là những lý do để chúng tôi nghiên cứu dự báo nhu cầu lao động, làm việc trong 3 nhóm ngành kinh tế chủ yếu (công nghiệp-xây dựng, dịch vụ, nông lâm-ngư nghiệp) của tỉnh giai đoạn 2011-2015.

NỘI DUNG / KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Khái niệm

Dự báo nhu cầu lao động phân chia theo ba nhóm ngành kinh tế chủ yếu (nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 là tiên đoán số lượng lao

động cần thiết làm việc trong mỗi ngành nhằm đạt được mục tiêu kinh tế (theo kế hoạch) dựa trên cơ sở phân tích khoa học những dữ liệu cần thiết thu thập được trong quá khứ và hiện tại.

Lao động làm việc trong mỗi ngành kinh tế tăng hay giảm phụ thuộc vào vốn đầu tư có tạo được nhiều chỗ làm việc hay không. Như vậy nhu cầu thu hút lao động của mỗi ngành kinh tế phụ thuộc vào yếu tố đầu tư vốn cho phát triển kinh tế. Mối quan hệ giữa phát triển sản xuất với vốn đầu tư, với lao động, được thể hiện trên hàm sản xuất Cobb Douglas. Hàm sản xuất có dạng sau:

$$Q = AK\alpha L^{1-\alpha} \quad (1)$$

$$L^{1-\alpha} = \quad (2)$$

Trong đó: Q là GDP; K là vốn; L là lao động; α : Là tỷ số giữa giá trị tăng thêm trong vốn đầu tư so với giá trị gia tăng, A là hệ số tiến bộ kỹ thuật (yếu tố ngoại sinh). Hệ số A trong 2009 được tính từ biểu thức (1) do các số liệu về Q, K, L và α của năm 2009 đã biết.

2. Những căn cứ để tính toán

Trong Dự thảo báo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010-2015 đã chỉ rõ: "Nhịp độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 12-13%/năm, Tổng vốn đầu tư xã hội 57-58 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế của năm 2015: Công nghiệp-xây dựng 41-42%; Dịch vụ 39-40%; Nông-lâm-ngư nghiệp 18- 19%; Cơ cấu lao động năm 2015: Nông-lâm-ngư nghiệp 58-59%; Công nghiệp-xây dựng 22-23%; Dịch vụ 19-20%".

Trong kế hoạch 5 năm 2005- 2010 nhịp độ tăng

trường kinh tế bình quân 5 năm đạt 10,3%/năm. Giá trị sản lượng năm 2010 là 7201714 triệu đồng.

3. Kết quả tính toán dự báo nhu cầu lao động

Với các thông số nêu trên, dựa vào hàm sản xuất ta có thể tính toán nhu cầu lao động phân chia theo ba nhóm ngành kinh tế chủ yếu của tỉnh Phú Thọ được phản ánh qua các phương án sau:

Phương án 1: Vốn đầu tư 57 nghìn tỷ đồng.

- Tốc độ tăng GDP bình quân 12%/năm thì nhu cầu lao động phân theo ba ngành kinh tế được biểu hiện ở bảng 1a.

Bảng 1a. Lao động phân theo ba ngành kinh tế năm 2015

Tiêu chí	Cơ cấu kinh tế (%)	Lao động (người)	Cơ cấu lao động (%)
Tổng số	100 - 100	795814 - 824262	100
Nông - lâm- ngư nghiệp	18 - 19	456702 - 489701	57,39 - 59,41
Công nghiệp- Xây dựng	42 - 42	147015 - 147606	18,47 - 17,91
Dịch vụ	40 - 39	192097 - 186955	24,14 - 22,68

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 13%/năm thì nhu cầu lao động phân theo ba ngành kinh tế được biểu hiện ở bảng 1b.

Bảng 1b. Lao động phân theo ba ngành kinh tế năm 2015

Tiêu chí	Cơ cấu kinh tế (%)	Lao động (người)	Cơ cấu lao động (%)
Tổng số	100 - 100	843834 - 870411	100
Nông - lâm- ngư nghiệp	18 - 19	484208 - 517023	57,38 - 59,40
Công nghiệp- Xây dựng	42 - 42	155916 - 155916	18,48 - 17,91
Dịch vụ	40 - 39	203716 - 197472	24,14 - 22,69

Phương án 2: Vốn đầu tư 58 nghìn tỷ đồng.

- Tốc độ tăng GDP bình quân 12%/năm thì nhu cầu lao động phân theo ba ngành kinh tế được biểu hiện ở bảng 2a.

Bảng 2a. Lao động phân theo ba ngành kinh tế năm 2015.

Tiêu chí	Cơ cấu kinh tế (%)	Lao động (người)	Cơ cấu lao động (%)
Tổng số	100 - 100	798922 - 821057	100
Nông - lâm- ngư nghiệp	18 - 19	455450 - 487833	57,44 - 59,42
Công nghiệp- Xây dựng	42 - 42	147606 - 147015	18,48 - 17,91
Dịch vụ	40 - 39	192866 - 186209	24,14 - 22,67

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 13%/năm thì nhu cầu lao động phân theo ba ngành kinh tế được biểu hiện ở bảng 2b.

Bảng 2b. Lao động phân theo ba ngành kinh tế năm 2015.

Tiêu chí	Cơ cấu kinh tế (%)	Lao động (người)	Cơ cấu lao động (%)
Tổng số	100 - 100	899649 - 867028	100
Nông - lâm- ngư nghiệp	18 - 19	541453 - 515051	60,18 - 59,40
Công nghiệp- Xây dựng	42 - 42	155292 - 155292	17,26 - 17,91
Dịch vụ	40 - 39	202904 - 196685	22,55 - 22,69

KẾT LUẬN

Dự báo dân số của tỉnh Phú Thọ đến năm 2015 là 1.402.355 người. Số người trong độ tuổi lao động là 910.829 người. Đây là nguồn cung về số lượng lao động. Nguồn cung này hoàn toàn đáp ứng nhu cầu lao động phân theo ba nhóm ngành kinh tế của tỉnh Phú Thọ như đã trình bày ở các phương án trên. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, 2010. Dự thảo báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2010 - 2015. Việt Trì
2. Cục thống kê tỉnh Phú Thọ. Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ các năm từ 1999 đến 2009.

THÀNH NGỮ TRONG NGÔN NGỮ ĐỐI THOẠI CỦA NHÂN VẬT PHỤ TRỢ TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NÔM TÀI TỬ GIAI NHÂN

Hán Thị Thu Hiền

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

Truyện Nôm là một thành tựu đặc sắc của văn học Việt Nam Trung đại. Một trong những yếu tố làm nên sức sống lâu bền của thể loại này chính là việc tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn học dân gian. Có thể nhận thấy sự ảnh hưởng rất rõ nét của văn học dân gian tới Truyện Nôm qua nội dung và đặc biệt là qua các hình thức thể hiện như kết cấu, mô típ trong đó nổi bật là ngôn ngữ. Khẳng định vai trò quan trọng của thành phần ngôn ngữ dân tộc trong Truyện Nôm phải kể đến sự có mặt của thành ngữ. Khảo sát, đánh giá vai trò, tác dụng việc sử dụng thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại ở một số nhân vật phụ trợ trong Truyện Nôm tài tử giai nhân cho thấy thành ngữ góp phần quan trọng vào việc thể hiện nội dung đối thoại và khắc họa tính cách nhân vật.

1. Các nhà phê bình, nghiên cứu đã dành sự quan tâm rất lớn tới việc tìm hiểu Truyện Nôm. Một trong những sự quan tâm đó là vấn đề phân loại. Cách phân chia phổ biến nhất là dựa vào các yếu tố về thi pháp như đề tài, chủ đề, kết cấu, nhân vật, ngôn ngữ... từ đó phân Truyện Nôm thành hai nhóm là Truyện Nôm bác học và Truyện Nôm bình dân. Truyện Nôm tài tử giai nhân là một nhóm của Truyện Nôm bác học. Đây phần lớn là những tác phẩm tiếp thu từ Tiểu thuyết tài tử giai nhân – một thể loại tiêu biểu của văn học Trung Hoa. Nhân vật chính trong các tác phẩm này là những đôi trai tài, gái sắc và nội dung chính là hướng tới khát vọng về tình yêu tự do, hôn nhân tự do vượt ra ngoài vòng kiểm tỏa của lễ giáo phong kiến. Nhân vật nam chính mặc dù mang trong mình lý tưởng của bậc quân tử nhưng khi gặp giai nhân các chàng đều thể hiện khát vọng yêu đương và quyết tâm chinh

phục cho được người đẹp. Tuy nhiên họ thường không có môi trường và hoàn cảnh tiếp xúc với giai nhân một cách trực tiếp. Nhân vật nữ chính thường là tiểu thư khuê các, mặc dù mang trong mình khát vọng tình yêu cũng rất mãnh liệt nhưng do sự cản trở của tâm lý, lễ giáo và đạo đức phong kiến nên họ thường bị động để đến với tình yêu. Do vậy, trong những tác phẩm này thường xuất hiện một nhân vật trung gian có vai trò giúp đỡ, nối liền sợi dây tình yêu giữa chàng và nàng. **PSG.TS Đinh Thị Khang** trong luận PTS “**Ngôn ngữ nhân vật trong Truyện Nôm**” gọi họ là những nhân vật phụ trợ. Ở Văn học Việt Nam Trung đại, tác giả tiếp tục khẳng định “...Họ là những nhân vật phụ trợ, giữ vai trò trung gian, có chức năng giúp đỡ nhân vật chính trong quá trình phát triển cốt truyện. Họ là những người hầu đồng thời là người tâm phúc của cô chủ, cũng là người động viên đôi lứa đến với quan niệm nhân

sinh mới. Đôi khi họ cũng trực tiếp đương đầu với thế lực cường quyền để bảo vệ những mối tình tự do” [6, 124 – 125]. Như vậy, có thể thấy trong nhóm một số Truyện Nôm tài tử giai nhân, mặc dù là phụ nhưng nhân vật phụ trợ lại có vị trí, vai trò, chức năng quan trọng. Chính vì vậy những biện pháp nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật này đều mang dụng ý riêng của tác giả và việc sử dụng các yếu tố thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật cũng không nằm ngoài những dụng ý nghệ thuật đó. Bài viết của chúng tôi sẽ trình bày một số kết quả khảo sát, đánh giá vai trò, tác dụng việc sử dụng thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại ở một số nhân vật phụ trợ trong Truyện Nôm tài tử giai nhân.

2. Chúng tôi tiến hành khảo sát thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại của 04 nhân vật phụ trợ trong hai tác phẩm: *Truyện Hoa Tiên* (Nguyễn Huy Tụ, Nguyễn Thiện), *Truyện*

Song Tinh (Nguyễn Hữu Hào). Đây là hai tác phẩm *Truyện Nôm* ra đời sớm, tiêu biểu và khá tương đồng về nội dung cốt truyện. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy số lượng câu thơ liên quan đến nhân vật phụ trợ chiếm khoảng 15 % số câu thơ của toàn tác phẩm. Trong đó chủ yếu là câu thơ đối thoại giữa loại hình nhân vật này với hai nhân vật chính. Cũng trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều cụm từ gần gũi, quen thuộc trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân, xét ở một góc độ nhất định, cũng có thể coi là thành ngữ. Tuy nhiên chúng tôi chỉ liệt kê những thành ngữ đối chiếu được trong **Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam** của GS Nguyễn Lân [5].

Nhìn vào bảng thống kê ở trên có thể thấy tương quan số lần đối thoại và số thành ngữ được sử dụng giữa các cặp nhân vật phụ trợ có sự chênh lệch khá rõ. Càng những nhân vật có vai trò mờ nhạt hơn thì việc sử dụng thành ngữ càng đậm nét hơn. Kết quả khảo sát cũng cho thấy thành ngữ được sử dụng chủ yếu là thành ngữ bốn yếu tố. Chúng tôi phân loại các thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật cụ thể như sau: Thứ nhất là những **Thành ngữ được sử dụng nguyên mẫu**: *Chấp cánh liền cánh, Nước chảy bèo trôi, Giai nhân tài tử, Tùy cơ ứng biến, Đấng trượng phu...* Thứ hai là **sử dụng thành ngữ**

gốc viết thành câu trọn vẹn, phù hợp với vần và số từ của câu 6 hoặc câu 8: *Bóng câu qua cửa sổ → Người đời dường ngựa qua song, Luân thường đạo lý → Giảng luân đạo lý lời xưa dặn bày, Công dã tràng → Luống thay công cái dã tràng luống công, Gối chiếc chăn đơn → Riêng người gối chiếc tương tư là sầu, Nát như tằm → Nghĩ chi cho nát dạ người như tằm, Ruột tằm bối rối tơ vò → Đã mềm tắc uốn thì oanh mối vò...* Thứ ba là **dựa vào khả năng biến cải của thành ngữ tạo nên những biến thể**: *Gió giục mây vần → Gió khiến mây đem, Cầm sào đợi nước → Cầm sào đợi khách, Quà lúa lơ thì → Quà thì trở duyên, Vào lỗ tai ra lỗ miệng → Vào tai ra miệng...*

Qua khảo sát, phân loại, đánh giá chúng tôi xin có một vài nhận xét như sau:

Hệ thống thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật phụ trợ đã góp phần quan trọng vào việc thể hiện nội dung đối thoại. Trong *Truyện Hoa Tiên*, Dao Tiên có hai người hầu tâm phúc là Vân Hương và Bích Nguyệt. Nhân vật Bích Nguyệt xuất hiện nhiều hơn ở phần đầu câu chuyện qua một số đối thoại với Lương Sinh. Đây cũng là nhân vật sử dụng nhiều thành ngữ ở dạng nguyên mẫu. Trò chuyện với chàng Lương, biết chàng có tình cảm với cô chủ, trở về phủ Nguyệt ước lời với tiểu thư. Đây là đoạn đối thoại đòi hỏi nhân vật phải rất tế

nghị khi thể hiện những gì mà Lương Sinh đã thổ lộ, vừa để cô chủ hiểu vừa để thăm dò ý nằng. Vì vậy Nguyệt đã dùng rất nhiều các thành ngữ như *chấp cánh liền cánh* chỉ nghĩa tình gắn bó giữa đôi nam nữ cũng là những mong ước mà chàng Lương muốn gửi gắm tới Dao Tiên, *đã mềm tắc uốn thì oanh mối vò* với thành ngữ nguyên thể là *Ruột tằm bối rối tơ vò* nói tình trạng lúng túng, không yên tâm, không biết nên nghĩ thế nào, làm thế nào để thể hiện tâm trạng đầy băn khoăn của Lương Phương Châu. Kết thúc đối thoại, nhân vật dùng thành ngữ *nước chảy bèo trôi* nói lên thân phận con người không làm chủ được mình để khéo léo nhắc nhở tiểu thư hãy chủ động trong hạnh phúc lứa đôi của bản thân: *Khéo là nước chảy bèo trôi hững hờ...* Như vậy, một loạt thành ngữ đã giúp Bích Nguyệt thể hiện được một cách tinh tế, sâu sắc những lời Lương Sinh muốn gửi gắm tới Dao Tiên.

Trong suốt quá trình phát triển của cốt truyện nhân vật Vân Hương có một vai trò rất quan trọng. Lương Sinh đã chủ động giải bày tâm sự với Hương. Nàng cũng là người rất nhạy cảm trong việc nắm bắt, chia sẻ tâm sự với cô chủ. Trong ngôn ngữ đối thoại, nhân vật đã tỏ ra tinh tế trong việc sử dụng thành ngữ. Khi chàng Lương giải bày tâm sự, nàng thật lời khuyên rằng: *Luống thay công cái dã tràng luống công*. Tục ngữ có câu:

*Dã tràng xe cát biển đông
Nhọc nhằn mà chẳng nên
công chuyện gì*

Thành ngữ ngắn gọn hơn: *Công dã tràng* chỉ những công làm vô ích, không đem lại kết quả gì. Nhưng khi tiếp tục nghe

Sau khi khảo sát chúng tôi có một bảng thống kê như sau:

Tác phẩm	Nhân vật	Ngôn ngữ đối thoại	Số lần đối thoại	Số thành ngữ
Hoa Tiên	Vân Hương	111	11	9
	Bích Nguyệt	47	6	6
Song Tinh	Thế Vân	165	16	7
	Nhược Hà	71	02	8

những lời tâm sự tha thiết của chàng Lương, Hương cũng động viên, giúp chàng có thêm hy vọng: *Họa khi gió khiến mây đem*. Một số thành ngữ nhân vật sử dụng trong khi đối thoại với Dao Tiên chứng tỏ nàng rất hiểu những tâm sự trong lòng cô chủ. Trong buổi tối dạo chơi, ngắm trăng, Hương đã chia sẻ với tiểu thư về tuổi trẻ, thời gian và tế nhị nói về sự cô đơn:

Cùng sầu song cũng vừa vừa

Riêng người gởi chiếc tương tư là sầu

Thành ngữ *gởi chiếc chăn* đơn nói lên cảnh cô đơn của người phụ nữ đã được sử dụng một cách sáng tạo, kín đáo mà tinh tế như một sự chia sẻ những tâm trạng hết sức phức tạp của Dao Tiên. Chính những tâm sự của Hương, Nguyệt như thế đã ảnh hưởng rất nhiều đến suy nghĩ của nàng: *Gởi tiên trần trọc luống dong canh dài*.

Nếu như hai nhân vật Văn Hương và Bích Nguyệt trong *Hoa Tiên* đều là những người hầu tâm phúc, vun vén, gắn kết tình yêu giữa hai nhân vật chính thì trong *Song Tinh* mối quan hệ giữa hai nhân vật Nhược Hà và Thể Vân lại có sự khác biệt. Thể Vân luôn cố gắng để Nhụy Châu và Song Tinh đến được với nhau còn Nhược Hà lại thể hiện tính cách nhỏ nhen, hay ghen ghét, thích nói xấu và bịa đặt chuyện. *Hệ thống thành ngữ trong ngôn ngữ đối thoại góp phần khắc họa rõ nét và sinh động tính cách nhân vật*.

Với Thể Vân những thành ngữ nhân vật sử dụng chủ yếu trong đối thoại với cô chủ. Khi xem thơ của Song Tinh, Nhụy Châu trong lòng đã bắt đầu xao xuyến, Vân hiểu ý, liền chia sẻ, tâm sự. Nàng tỏ ra là người rất

khéo léo, tế nhị khi sử dụng một loạt các thành ngữ chỉ sự trôi chảy của thời gian: *Người đời đường ngựa qua sông, xuân thu qua lại* để nhấn mạnh mối tương quan giữa tình yêu, tuổi trẻ, thời gian. Với người con gái thời gian có vai trò rất quan trọng, tuổi xuân qua đi chẳng một lần thăm lại, thời gian trôi đi đồng nghĩa với nhan sắc tàn phai. Như thế, Vân đã đánh trúng tâm lý của những cô gái đang độ xuân sắc như Nhụy Châu. Sau khi phân tích thấu đáo hoàn cảnh, Thể Vân khẳng định:

Chẳng nề chi chỉ nam nhi

Khả thương phận gái quá thì trở duyên

Thành ngữ quá lứa lỡ thì nói về những người phụ nữ đã lớn tuổi nhưng khó lấy chồng đã một lần nữa chỉ cho Nhụy Châu thấy nếu như cứ giữ thói con nhà nề nếp, dè dặt đối với Song Tinh, hai bên tuyệt tin qua lại với nhau, chàng Song Tinh linh trở về quê, con gái đã có thì, tình duyên càng thêm khó khăn.

Khi biết tin con bị tuyển vào kinh, Giang Ông và Giang Bà hết sức đau xót, Nhụy Châu bình tĩnh động viên bố mẹ, hai ông bà tưởng con gái bằng lòng, không than khóc nữa nhưng Vân là người hiểu rõ cô chủ rất đau khổ nên đã hết lời khuyên can nàng *hãy tùy cơ ứng biến* - thành ngữ ý nói tùy theo tình hình thế nào mà đối phó hoặc hành động. Nhụy Châu nhờ Thể Vân thay mình lấy Song Tinh, Vân nhận lời, trong ngôn ngữ đối thoại với tiểu thư, Vân đã dùng một loạt các thành ngữ khẳng định tấm lòng thủy chung, không sai lời hẹn ước để cô chủ bước chân ra đi được an lòng: *mặt cách lòng sai, dầu mòn sơn hải...* Cách dùng thành ngữ trong ngôn ngữ

đối thoại giúp thể hiện hình ảnh một Thể Vân không những tinh tế, tâm lý, hiểu cô chủ mà còn là người rất sắc sảo, lý trí đồng thời mang trong mình những quan niệm mới mẻ, táo bạo về tình yêu đôi lứa.

So với nhân vật Thể Vân số câu đối thoại cũng như số lần đối thoại của Nhược Hà ít hơn hẳn nhưng số lượng thành ngữ Nhược Hà sử dụng cũng khá nhiều. Trong đối thoại với Song Tinh, Hà sử dụng những thành ngữ nói về luân thường đạo lý để bịa đặt Nhụy Châu hay giảng về đạo lý, về những dận dò của người xưa (*Giảng luân đạo lý lời xưa dận bày*), thành ngữ *vào lỗ tai ra lỗ miệng* (*Vào tai ra miệng há háy luật lệ*) để thể hiện mình là người ngu si, không biết luật lệ gì, chỉ nghe lời Nhụy Châu mà biết vậy và mình cũng là người không kín đáo, nghe thấy gì thì nói. Cách nói ấy làm chàng Song vô cùng hoang mang. Khi chàng trở về, biết tin Nhụy Châu đã tự tử nhưng thấy Giang Ông vẫn gọi tiểu thư vào chăm sóc Giang Bà, chàng hỏi chuyện Nhược Hà. Trong đoạn đối thoại này nhân vật sử dụng một loạt thành ngữ nói xấu Thể Vân: *Vẽ dạng làm hình, khác hình khác dạng, hiểm vì vó ngựa* kết hợp cùng hành động *lắc đầu chắc lưỡi*. Những thành ngữ này góp phần khắc họa thêm tính cách nhỏ nhen, hay gây hiềm khích của Nhược Hà. Khi đối thoại với Thể Vân, Hà cũng sử dụng cách nói dân gian: *Vật còn chút tính thương loài, bạn bè cây nứa nở lời buộc nhau* để thanh minh cho mình nhưng thực chất là biện hộ cho những lời nói, hành động không đúng của bản thân. Như vậy, có

(Xem tiếp trang 27)

NGHIÊN CỨU TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP TỈNH PHÚ THỌ

Ths. Nguyễn Thị Thịnh

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Trường Đại học Hùng Vương

TÓM TẮT

Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở tỉnh Phú Thọ góp phần phát triển và phân bố hợp lý công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Mục tiêu lớn nhất của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ là tạo ra một không gian công nghiệp đồng đều và hài hòa trên lãnh thổ tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ góp phần tìm ra mối liên hệ nhân quả giữa các nguồn lực và hiện trạng tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ, nhìn nhận và đánh giá hiện trạng tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Phú Thọ trong tình hình hiện nay, làm cơ sở cho các quy hoạch phát triển công nghiệp theo không gian lãnh thổ của Phú Thọ trong tương lai...

1. Đặt vấn đề

Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp nhằm đạt được sự hài hòa về mặt lãnh thổ giữa các địa phương, các vùng, các miền nước ta ngày càng được quan tâm hơn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Phú Thọ là một tỉnh miền núi phía Bắc. Công nghiệp đã sớm được chú trọng phát triển từ những năm 60 của thế kỉ XX. Cùng với mục tiêu của cả nước, Phú Thọ đang có nhiều sắp xếp, điều chỉnh trong phát triển công nghiệp, nhằm công nghiệp hóa, hiện đại hoá một cách hợp lý trên toàn lãnh thổ.

Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp cần được xem xét cụ thể, làm cơ sở cho việc quy hoạch phát triển công nghiệp trong những năm tiếp theo, góp phần tiến tới hoàn thiện sự phát triển và phân bố hợp lý công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ là việc định vị, sắp xếp các cơ sở công nghiệp của tỉnh tạo nên các không gian công nghiệp (các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp) thuộc các cấp khác nhau như điểm cụm, khu công nghiệp... trên cơ sở đánh giá các lợi thế so sánh ở các địa phương trong tỉnh, nhằm: đánh giá được sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ hiện nay, sự hợp lý và chưa hợp lý của nó và đưa ra các định hướng tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo quan điểm địa lý kinh tế, xã hội. Từ đó, tìm ra các vấn đề khó khăn ở các lãnh thổ chưa phát triển công nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng các chính sách phù hợp trong tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ trong các năm tiếp theo.

Mục tiêu lớn nhất của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú

Thọ là tạo ra một không gian công nghiệp đồng đều và hài hòa trên lãnh thổ Phú Thọ, tìm ra các hình thức phân bố các cơ sở công nghiệp hợp lý, khai thác tốt các tiềm năng sẵn có của địa phương trên các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Phú Thọ.

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ có bộ khung vững chắc là các trục đường giao thông trong tỉnh, bao gồm đường bộ (tỉnh lộ như quốc lộ II, quốc lộ 32 và huyện lộ), đường sắt (cùng với các ga tàu chính), đường sông (các cảng sông quan trọng như cảng Việt Trì, cảng An Đạo), cảng nội địa ICD (đặt trong khu công nghiệp Thụy Vân)...

Bên cạnh đó, tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ có các cực tăng trưởng công nghiệp (đồng thời là các hạt nhân để tổ chức lãnh thổ công nghiệp) là Việt

Tri - Lâm Thao - Bãi Bằng. Tỉnh Phú Thọ chủ trương tăng cường các cực phát triển công nghiệp, trong đó đã xây dựng thêm cực tăng trưởng mới cho các huyện phía Tây tỉnh, thông qua việc xây dựng khu công nghiệp Trung Hà, cụm công nghiệp thị xã Phú Thọ.

Sự sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp dọc theo các trục giao thông chính tạo ra các tuyến lực công nghiệp cho tỉnh, tạo ra mối liên hệ giữa các cơ sở sản xuất công nghiệp của các cực tăng trưởng với nhau.

Sự vận động của các luồng vốn đầu tư, sản phẩm và thị trường tiêu thụ, lao động theo các tuyến lực, sự tích tụ về vốn, lao động, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các cực phát triển (điểm, cụm, khu, trung tâm công nghiệp)... quy định xu hướng biến đổi các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ.

Về các nguồn lực ảnh hưởng đến tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ, các nguồn lực bên trong, với các nhân tố chính bao gồm các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế, xã hội của tỉnh tạo tiền đề vật chất cho tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ.

Trong đó, với nguồn tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú, nguồn nước đủ đảm bảo cho sản xuất công nghiệp ở tất cả các huyện trong tỉnh, vốn đất ở nhiều dạng địa hình khác nhau nhưng giá thuê đất thấp hơn so với các tỉnh lân cận, tạo tiền đề thuận lợi về tài nguyên cho việc bố trí các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó đặc biệt thuận lợi cho các ngành công nghiệp chế biến

cần nguồn nguyên liệu khai thác từ tự nhiên.

Nguồn dân cư và lao động đông, sớm phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và khá nhạy bén với cơ chế thị trường, với tỉ lệ nữ giới trong độ tuổi lao động cao hơn nam giới... cho phép phát triển những ngành công nghiệp cần nhiều lao động, đặc biệt là lao động nữ.

Mạng lưới đô thị nội tỉnh chủ yếu tập trung ở phía đông nam lãnh thổ, trong đó có Việt Trì là đô thị loại II của cả nước, tại các huyện đều có hệ thống các thị trấn, thị tứ đang trong giai đoạn nâng cấp và mở rộng... cho phép xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp mới có sản phẩm đáp ứng nhu cầu trước hết của thị trường tiêu thụ trong tỉnh với sức mua đang tăng lên, đặc biệt là tại các đô thị của tỉnh. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra sự chênh lệch trong tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ với sự tập trung của các cơ sở sản xuất công nghiệp ở phía đông và đông nam tỉnh, thừa thớt và có huyện ở vùng núi phía Tây tỉnh hầu như chưa có điểm công nghiệp nào.

Về cơ sở hạ tầng, do đã được xây dựng từ trong lịch sử và đang được tăng cường hàng năm, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cùng với các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh tạo ra sự hấp dẫn các nhà đầu tư ngày càng tăng vào tỉnh Phú Thọ, mặc dù về vị trí địa lý, so với một số tỉnh như Vĩnh Phúc, Hà Tây, Phú Thọ có ít lợi thế hơn.

Các nguồn lực bên ngoài vừa là động lực, vừa là mục tiêu hướng tới của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ. Phú Thọ cần có nguồn vốn từ ngân sách

nhà nước, từ nguồn vốn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (nhằm thu hút các dự án đầu tư nước ngoài vào sản xuất công nghiệp ở Phú Thọ) và vốn cho xây dựng các nhà máy mới cũng như nâng cấp, cải tạo các nhà máy cũ. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ (ngoài tỉnh và ngoài nước) với các nhu cầu và mức tiêu dùng tăng lên hàng năm sẽ là cơ sở xây dựng các nhà máy có sản phẩm đáp ứng nhu cầu đó. Ngược lại vốn đầu tư nước ngoài và thị trường tiêu thụ là mục tiêu mà Phú Thọ đang hướng tới.

2.2. Nội dung cơ bản của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ

Nội dung tiêu biểu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ bao gồm:

+ Các điều kiện hình thành và phát triển của ngành công nghiệp Phú Thọ và kết quả sản xuất của lãnh thổ.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ có ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của ngành công nghiệp cũng như tổ chức lãnh thổ công nghiệp của tỉnh Phú Thọ.

Với vị trí nằm trên các trục đường giao thông nối liền các tỉnh đồng bằng và các tỉnh miền núi phía Bắc, Phú Thọ là cửa ngõ giao lưu của Hà Nội với các tỉnh miền núi phía Bắc. Đây là điều kiện quan trọng để hình thành các cụm, khu công nghiệp, thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển công nghiệp ở Phú Thọ.

Về mặt tự nhiên, là một tỉnh miền núi nhưng Phú Thọ có cả địa hình trung du và đồng bằng, tập trung nhiều đồi gò thấp,

tương đối bằng phẳng, rất thuận tiện để xây dựng các khu, cụm công nghiệp, đặc biệt là ở thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao, huyện Phù Ninh, huyện Thanh Ba, thị xã Phú Thọ... Vì thế, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cho xây dựng các điểm, cụm, khu công nghiệp thấp hơn và sản xuất ít ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân hơn một số tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, nguồn khoáng sản của tỉnh tương đối phong phú, với nhiều mỏ có trữ lượng khá và chất lượng tốt, tạo điều kiện cung ứng nguyên liệu đầu vào cho một số nhà máy trên địa bàn tỉnh, giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu, hạ giá thành sản phẩm, là điểm mạnh thu hút các nhà đầu tư vào Phú Thọ. Đồng thời, nguồn nước cung cấp cho sự hoạt động của các nhà máy rất dồi dào và thường xuyên. Ngoài ra, các điều kiện tự nhiên khác của Phú Thọ như rừng, khí hậu, đất đai (với diện tích đất cho công nghiệp còn nhiều, giá thuê đất không cao)... nhìn chung không cản trở việc phát triển và phân bố các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

Các điều kiện kinh tế, xã hội của tỉnh đang tạo ra động lực mới cho tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ. Dân cư Phú Thọ vốn có truyền thống nhạy bén với cơ chế thị trường và với mức thu nhập ngày càng tăng, số lượng lao động qua đào tạo ngày càng đông, tạo ra thị trường rộng lớn với nhu cầu lớn, vừa tạo ra nguồn lao động đáp ứng nhu cầu phát triển của các cụm, khu công nghiệp đã và đang xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Đặc biệt, các cơ chế và chính sách hấp dẫn đầu tư vào Phú

Thọ rất thông thoáng. Do nhạy bén với tình hình cạnh tranh thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp của các tỉnh trong vùng đang diễn ra mạnh mẽ, hàng năm, tỉnh Phú Thọ đều có các chủ trương thay đổi, bổ sung các điều lệ mới, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp của Phú Thọ. Trong đó, đáng lưu ý là Phú Thọ hơn các tỉnh khác là có ưu đãi về thời gian chậm nộp tiền thuê đất, với các dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp (như cụm công nghiệp Đồng Lạng) được tỉnh hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng. Cùng với việc thực hiện tốt cơ chế một cửa, một đầu mối đã tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư khắc phục nhiều ách tắc trước đây.

Bên cạnh đó, ở khu vực phía đông và phía nam tỉnh, cùng với các cơ sở hạ tầng đô thị đã được chỉnh trang, nâng cấp, nhiều khu đô thị mới đang xây dựng song song với việc mở rộng các khu, cụm công nghiệp mới, tạo ra cảnh quan đô thị hấp dẫn các nhà đầu tư đến với Phú Thọ.

Khu vực phía tây tỉnh, đặc biệt là các huyện như Tam Nông, Thanh Thủy có sự kết hợp vị trí địa lý gần nguồn khu vực phân bố nhiều khoáng sản và có hai sông lớn chảy qua, đồng thời nằm trên các tuyến giao thông quan trọng chạy qua phía tây tỉnh nối các tỉnh phía tây bắc Phú Thọ và Hà Nội, đây cũng là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các khu, cụm công nghiệp tập trung, có khả năng thu hút các nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, tỉnh Phú Thọ còn nhiều hạn chế về điều kiện phát triển công nghiệp và gây khó khăn trong tổ chức lãnh

thổ công nghiệp. Với vị trí địa lý của Phú Thọ ít thuận lợi hơn so với Vĩnh Phúc trong việc hấp dẫn đầu tư, trên thực tế, các nhà đầu tư thường tìm đến các tỉnh giáp Hà Nội trước khi đến Phú Thọ.

Tài nguyên thiên nhiên của Phú Thọ tuy phong phú nhưng đa số có trữ lượng thấp, khó trở thành hàng hóa, chỉ có một số loại khoáng sản có thể khai thác và chế biến có hiệu quả. Nguyên liệu từ nông, lâm sản nuôi trồng phân tán, chưa theo quy hoạch, khi các nhà máy cần nguyên liệu chế biến thì khó huy động được số lượng và chất lượng nguyên liệu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, mức độ khai thác tài nguyên thiên nhiên để tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Phú Thọ còn ở mức thấp, chưa tận dụng được hết các nội lực sẵn có.

Về cơ sở hạ tầng, tuy đã có cải thiện nhiều nhưng vẫn chưa đảm bảo, thiếu đồng bộ, thiếu các công trình có tính tiên quyết để trở thành hạt nhân thu hút đầu tư, đặc biệt ở các huyện miền núi phía tây tỉnh.

Ngoài ra, dân cư Phú Thọ đông nhưng đa số phân bố ở nông thôn, lực lượng lao động có tay nghề, kỹ thuật cao còn thiếu, thu nhập bình quân theo đầu người thấp, do đó sức mua hạn chế... Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý công nghiệp của Phú Thọ cũng còn yếu và thiếu về kinh nghiệm và năng lực sản xuất, kinh doanh...

Mạng lưới đô thị của tỉnh phân bố không đồng đều, đa số tập trung ở phía đông và nam lãnh thổ, do đó, các điều kiện thuận lợi cho tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ phần lớn là nằm ở vùng trung du và đồng

bằng. Cùng với các điều kiện khó khăn về địa hình và các điều kiện kinh tế xã hội khác như mật độ dân số, tập quán sản xuất, tiêu dùng...việc phát triển các điểm, cụm, khu công nghiệp tập trung ở phía tây lãnh thổ tỉnh Phú Thọ là rất khó khăn.

Trên cơ sở tận dụng các điều kiện của tỉnh, ngành công nghiệp của tỉnh Phú Thọ được tập trung đầu tư phát triển từ những năm 60, từ sự ra đời và phát triển của khu công nghiệp tập trung Việt Trì với các ngành công nghiệp cơ bản là hoá chất, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm...Do vậy, cơ sở vật chất nhất định cho công nghiệp đã được xây dựng và duy trì. Từ sau khi tái lập tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tách ra từ tỉnh Vĩnh Phú cũ (năm 1997), công nghiệp tiếp tục được xác định là một ngành kinh tế chủ đạo. Cùng với các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ, tỉnh Phú Thọ đã tập trung đầu tư vào phát triển công nghiệp, với những chính sách thu hút đầu tư thông thoáng, công nghiệp Phú Thọ dần thích ứng với cơ chế thị trường.

Bên cạnh khu công nghiệp tập trung Việt Trì cũ vẫn đang tiếp tục được duy trì và cải tạo, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã xuất hiện thêm nhiều cụm, khu công nghiệp mới và cũng đang có những hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách của tỉnh. Công nghiệp đang được quan tâm phát triển trên toàn lãnh thổ Phú Thọ, nhằm tận dụng các lợi thế sẵn có của các địa phương một cách tối đa.

Vì vậy, nhìn chung công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Phú Thọ đang hoạt

động nhộn nhịp và năng động.

+ Cơ cấu và phân bố của các nhóm ngành công nghiệp Phú Thọ và các kết hợp sản xuất lãnh thổ.

Công nghiệp Phú Thọ hiện đang ngày càng thu được những kết quả khả quan. Bên cạnh các nhóm ngành công nghiệp cũ, tỉnh đang nỗ lực xây dựng và phát triển ngành công nghiệp mới, tận dụng hiệu quả các tiềm năng về nhân lực của tỉnh như công nghiệp dệt may và công nghiệp điện tử - tin học...Các sản phẩm công nghiệp mới xuất hiện bên cạnh các sản phẩm công nghiệp truyền thống và đang nâng dần khả năng cạnh tranh trên thị trường...Ngoài các sản phẩm của Phú Thọ đã có tiếng trên thị trường như giấy, hóa chất, chè..., các sản phẩm mới của tỉnh như sợi dệt, thực phẩm chế biến, đồ uống...cũng đang có vị trí nhất định trên thị trường nội địa và đang tăng dần về giá trị xuất khẩu. Tỷ trọng của các nhóm ngành công nghiệp cũ và mới trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh Phú Thọ trở nên cân bằng hơn.

Bên cạnh đó, các ngành công nghiệp cùng với các cơ sở sản xuất công nghiệp không chỉ tập trung ở các đô thị (hoặc gần các đô thị), hoặc nơi tiêu thụ mà đang có xu hướng phát triển và phân bố tại vùng nguyên liệu, vừa tận dụng được nguyên liệu đầu vào, vừa tận dụng được nguồn nhân lực và thị trường tiêu thụ của địa phương đó.

Trong sản xuất, công nghiệp Phú Thọ đang giảm dần việc sử dụng nguyên liệu ngoại nhập và tăng dần việc sử dụng nguyên liệu trong nước và trong tỉnh. Do vậy, tổ chức lãnh thổ công

nghiệp Phú Thọ ngày càng có điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiến hành xây dựng các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở các địa phương có tiềm năng về tài nguyên cho sản xuất công nghiệp.

Nghiên cứu thực trạng tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng công nghiệp Phú Thọ theo ngành. Thực trạng công nghiệp Phú Thọ theo ngành đã phản ánh các kết quả to lớn của việc đổi mới cơ chế, chính sách quản lý công nghiệp, các chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư của Phú Thọ. Kết quả của quá trình tìm hiểu và phân tích các thông tin và số liệu thống kê cho thấy công nghiệp Phú Thọ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỷ trọng công nghiệp ngày càng tăng. Năm 1997, công nghiệp - xây dựng chỉ chiếm 32% trong cơ cấu GDP của tỉnh, đến năm 2007 đạt 38,8%.

Thông thường, các cơ sở sản xuất công nghiệp của Phú Thọ được phân bố theo nguyên tắc chung là các nhà máy, xí nghiệp sơ chế đặt tại vùng nguyên liệu ở tiểu vùng miền núi và trung du của tỉnh, các xí nghiệp chế biến đặt tại nơi tiêu thụ - nằm ở tiểu vùng đồng bằng của Phú Thọ. Do có sự thay đổi về xu hướng sử dụng nguồn nguyên liệu (dùng nguyên liệu công nghiệp nội địa là chủ yếu, để kích thích sự phát triển công nghiệp đồng đều trên địa bàn tỉnh), các cơ sở sản xuất công nghiệp đang được chuyển dần lên tiểu vùng miền núi và trung du của tỉnh, cùng với việc tăng cường đầu tư về cơ

sở vật chất và cơ sở hạ tầng cho sản xuất công nghiệp.

+ Hệ thống các mối liên kết không gian của các ngành và các kết hợp sản xuất lãnh thổ.

Hệ thống các mối liên kết không gian của các ngành và các kết hợp sản xuất lãnh thổ ngày càng mở rộng về quy mô lãnh thổ và chặt chẽ hơn trong quản lý sản xuất. Các ngành sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ hiện nay không chỉ hoạt động độc lập mà đang có sự tăng cường liên kết với các cơ sở sản xuất công nghiệp có chung khả năng sử dụng nguồn nguyên liệu để cùng giảm chi phí đầu vào sản xuất, chi phí dịch vụ cho sản xuất và tận dụng phế liệu của nhau.

Hệ thống các mối liên kết không gian của các ngành công nghiệp trên địa bàn Phú Thọ hiện nay bao gồm các mối liên kết không gian trong nội bộ các ngành (từ việc tăng cường mối gắn kết chặt chẽ về vùng nguyên liệu, nơi sản xuất về khu vực tiêu thụ sản phẩm) và mối liên kết không gian sản xuất với các ngành khác (ví dụ như mối liên kết giữa ngành công nghiệp hóa chất, ngành công nghiệp bột giấy - giấy và ngành công nghiệp in - đóng gói bao bì công nghiệp...). Đây là cơ sở cho việc hình thành các kết hợp sản xuất lãnh thổ, từ đó hình thành các tam giác phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó điển hình là tam giác phát triển công nghiệp Việt Trì - Bãi Bằng - Lâm Thao....

Do kết quả hoạt động sản xuất của các khu, cụm công nghiệp đã xây dựng trên địa bàn tỉnh, đồng thời sự thay đổi trong xu hướng phân bố các cơ sở sản

xuất công nghiệp của tỉnh về vùng nguyên liệu và nhờ có sự đầu tư mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng giao thông và thông tin liên lạc, cho nên khả năng điều khiển các không gian trong các ngành công nghiệp mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng cũng đang dần trở nên linh hoạt hơn, các kết hợp lãnh thổ sản xuất đa dạng hơn và có điều kiện mở rộng hơn trước đây...

2.3. Các nhiệm vụ của tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là một bộ phận của tổ chức lãnh thổ nền sản xuất xã hội. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp hợp lý góp phần tổ chức lãnh thổ nền sản xuất xã hội hài hoà và thúc đẩy nền kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển đồng đều, đó là mục tiêu phát triển chung về kinh tế, xã hội của Phú Thọ. Do vậy, nghiên cứu vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ dưới góc độ địa lý kinh tế - chính trị góp phần tạo ra cơ sở địa lý cho việc hoạch định các chiến lược phát triển công nghiệp theo lãnh thổ về lâu dài.

Nghiên cứu vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ góp phần tìm ra mối liên hệ nhân quả giữa các nguồn lực và hiện trạng tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ, nhìn nhận và đánh giá hiện trạng tổ chức lãnh thổ công nghiệp của Phú Thọ trong tình hình hiện nay, làm cơ sở cho các quy hoạch phát triển công nghiệp theo không gian lãnh thổ của Phú Thọ trong tương lai... Với các mục tiêu đó, tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ cùng với tổ chức lãnh thổ nền sản xuất xã hội của tỉnh cùng thực hiện một số nhiệm vụ

sau:

+ Sử dụng hợp lý và có hiệu quả nhất các nguồn lực của lãnh thổ Phú Thọ (các nguồn lực về tự nhiên, kinh tế, xã hội...).

+ Giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan, đặc biệt là các vấn đề việc làm cho người lao động. Rõ ràng, ở các lãnh thổ công nghiệp ít phát triển, lao động làm việc trong ngành nông nghiệp là chính, thời gian nhàn rỗi nhiều. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp hợp lý, xây dựng thêm nhiều các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nhiều cấp hành chính khác nhau, sẽ tạo điều kiện cho các địa phương tận dụng được các lợi thế của mình, đồng thời phát triển công nghiệp kéo theo sự gia tăng của các dịch vụ công nghiệp, nhờ đó khả năng tìm kiếm việc làm cho người lao động của địa phương đó sẽ cao hơn, đó là chưa kể khả năng thu hút mạnh lao động công nghiệp ở các địa phương khác.

+ Giảm thiểu sự chênh lệch về trình độ giữa các địa phương trong tỉnh, giữa tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận, đặc biệt là các tỉnh ở vùng địa bàn kinh tế trọng điểm phía Bắc và giữa tỉnh Phú Thọ với mức chung của cả nước.

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ làm giảm khoảng cách phát triển giữa vùng miền núi với trung du và đồng bằng của tỉnh Phú Thọ. Trước đây, công nghiệp chỉ phát triển ở vùng trung du và đồng bằng nằm ở phía Đông và phía Nam. Hiện nay, công nghiệp đang được chú trọng phát triển ở khu vực vùng núi phía Tây của tỉnh với mục tiêu tạo ra sự phát triển hài hòa trên toàn lãnh thổ của Phú Thọ.

+ Bảo vệ và tôn tạo tài nguyên

thiên nhiên, môi trường, nhằm đảm bảo cho sự phát triển của tỉnh bền vững.

+ Dự báo xu hướng biến đổi về tổ chức lãnh thổ công nghiệp để có chiến lược phát triển công nghiệp thích hợp, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa của tỉnh Phú Thọ.

2.4. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ

Đối với cấp lãnh thổ công nghiệp trùng với cấp đơn vị hành chính là cấp tỉnh, các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ chỉ bao gồm: điểm công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp.

Các hình thức khác như dải công nghiệp, vùng công nghiệp trọng điểm dùng cho cấp hành chính cao hơn nên không được đề cập đến trong phân tích các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ.

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp Phú Thọ ngày càng hợp lý hơn. Hiện nay ngoài các điểm công nghiệp ở các huyện trong tỉnh, trung tâm công nghiệp Việt Trì được xây dựng từ những năm 60 của thế kỷ XX, đã hình thành thêm các khu, cụm công nghiệp làm nhân tố tạo đà cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp góp phần công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo việc làm và giải quyết được một số lượng lớn lao động, góp phần giải quyết được một số các vấn đề xã hội cho tỉnh.

Trong bức tranh phân bố công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có tam giác phát triển công nghiệp với các cực tăng trưởng công nghiệp là trung

tâm công nghiệp Việt Trì - thị trấn Phong Châu - thị trấn Lâm Thao. Đồng thời, cực tăng trưởng mới của công nghiệp tỉnh là thị xã Phú Thọ đã hoạt động nhộn nhịp hơn nhờ hàng loạt các nhà máy công nghiệp ở khu vực giáp ranh với huyện Thanh Ba. Bên cạnh đó, các điểm công nghiệp dọc theo các tuyến quốc lộ và tỉnh lộ, huyện lộ có vai trò kết nối các cực tăng trưởng công nghiệp của tỉnh, tạo ra sự gắn bó hơn về mặt không gian công nghiệp, điển hình là các cơ sở công nghiệp nằm dọc theo quốc lộ 2, quốc lộ 32...

Nét đặc sắc nhất trong bức tranh công nghiệp Phú Thọ theo không gian lãnh thổ là khu công nghiệp Thụy Vân - Việt Trì. Với hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đã xoa được cảm giác e ngại của các nhà đầu tư khi đầu tư sản xuất, kinh doanh ở một tỉnh miền núi như Phú Thọ. Đồng thời, nó đã tạo đà cho việc hình thành khu công nghiệp Trung Hà thuộc địa phận huyện Tam Nông, cửa ngõ phía Tây của tỉnh và sự ra đời của hàng loạt các khu, cụm công nghiệp khác trên lãnh thổ Phú Thọ. Từ đó, hoạt động công nghiệp của Phú Thọ trở nên năng động và nhộn nhịp hơn trước. Đồng thời, các đô thị của Phú Thọ được chỉnh trang với một diện mạo mới. Công nghiệp có xu hướng phát triển đồng đều hơn trên lãnh thổ tỉnh Phú Thọ.

Tuy nhiên, thực trạng công nghiệp Phú Thọ còn nhiều vấn đề tồn tại như phát triển và phân bố công nghiệp không đồng đều trên các vùng lãnh thổ, đặc biệt có sự chênh lệch giữa vùng miền núi với vùng trung du và đồng bằng của tỉnh, cơ sở vật chất, cơ

sở hạ tầng chưa phát triển và chưa đồng bộ, bản thân các khu vực tập trung công nghiệp cũng đang dần bộc lộ những hạn chế trong quá trình phát triển...

3. Kết luận

Qua nghiên cứu tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Phú Thọ với các cấp phân vị khác nhau, chúng tôi thấy vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp một cách hợp lý có ý nghĩa thực tiễn lớn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa của tỉnh Phú Thọ hiện nay. Những hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp là kết quả của một quá trình phát triển công nghiệp lâu dài. Do vậy, việc xây dựng và phát triển bất kỳ một cơ sở công nghiệp trên lãnh thổ của tỉnh đều cần phải có sự đánh giá sâu sắc trước hết các mối liên kết không gian và những hệ quả của việc phát triển cơ sở công nghiệp đó với không gian xung quanh nó. Từ đó, mới giảm thiểu các hệ quả không tốt trong quá trình phát triển công nghiệp mang lại lợi ích đồng đều về kinh tế, xã hội, môi trường của tỉnh, và đảm bảo sự bền vững trong phát triển công nghiệp theo lãnh thổ của tỉnh. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ, 1999. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Nxb Giáo dục.
- [2] Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ qua các năm.
- [3] Sở Công nghiệp Phú Thọ (2005). Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn 2020.
- [4] Nguyễn Minh Tuệ và nnk (2005). Địa lí kinh tế - xã hội đại cương. Nxb Giáo dục.